

**Tòa án nhân dân
Thị trấn Việt Trì
Tribunal Phosphate**

**Cổng họp xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 28/2020/HNGS-ST

Ngày 26 tháng 8 năm 2020

"V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ

- *Thị trấn Hết* ở xã - thêm giảm cả:

Thêm phần - chỉ tòa phiên tòa: Bà Cao Thị Đào;

C, c hết nhân dân: 1. Ông: Lê Văn Hiền;

2. Ông: Lê Ngọc Tường;

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Hồng Đăng - Thư ký TAND
thị trấn Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

*- Sĩ diện Viên kiểm sát nhân dân thị trấn Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham
gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị trấn Việt Trì,
xã xã - thêm công khai vô, n theo lý số: 266/2020/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm
2020 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo Quyết định ở ra vô, n ra
xã xã số: 413/2020/QSXXST-HNGS ngày 24/7/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số
433/2020/QĐ- HNGĐ ngày 07/8/2020 giữa c, c ở - ng sù:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm 1975.

- Bị đơn: Anh Kiều Anh T - Sinh năm 1970.

ĐKKTT: Tổ 20B, khu 17 (nay là khu N), phường G, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú
Thọ.

(Chị T vắng mặt, anh T vắng mặt)

Nội dung vụ

* Tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt, nhưng
chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Kiều Anh T vắng mặt, nhưng đã được Tòa án
triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt.

Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt chị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Kiều Anh T đăng ký kết hôn
ngày 16/11/1994 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Trước
khi kết hôn hai bên được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung
cùng gia đình bố mẹ anh T. Quá trình vợ chồng chung sống không được hòa thuận
hạnh phúc, sau đây 5 ngày anh T đã đánh chị, có những lần anh T đánh chị ở cả
tai, thâm tím mặt mày, năm 2010 anh T đánh chị mặt mày bầm tím, năm 2014 anh T

cầm kéo rạch đuôi mắt của chị, chị phải khâu 8 mũi, năm 2017 anh T đánh chị bươu đầu và cầm điện thoại ném vào mặt chị rách thủng mặt chị phải khâu 18 mũi, đầu năm 2018 chị làm đơn xin ly hôn anh T, anh T nhét rỏ vào mồm chị ép chị rút đơn nên chị rút đơn theo nguyện vọng của anh T, đến cuối năm 2018 chị lại làm đơn xin ly hôn anh T, anh T cầm dao bầu dọa giết chị nên chị lại rút đơn ly hôn. Hai ng-êi sèng ly th©n tở th,ng 9/2018 Ôn nay vụ kh«ng ai quan t©m tí ai. Nay chÞ T xĐt thÊy t×nh c¶m vi chång kh«ng cñn chÞ Ôn nghÞ Toµ ,n gi¶i quyÕt cho chÞ Ôn-íc ly h«n với anh T

- Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Kiều Đức T, sinh ngày 23/10/1995 và cháu Kiều Đăng M, sinh ngày 14/11/2001. Khi ly hôn quan điểm của chị T đề nghị đối với cháu Kiều Đức T đã trưởng thành lao động tự túc được nên không đề nghị Toà án giải quyết, còn cháu Kiều Đăng M hiện đang học đại học năm thứ hai chị xin được nuôi dưỡng, chị T không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, tài sản riêng: chị T xác nhận không có nên không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về nợ chung, công sức: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về phía bị đơn là anh Kiều Anh T vắng mặt tại phiên nhưng tại bản tự khai viết ngày 29/6/2020 anh T trình bày: Anh và chị T có đăng ký kết hôn ngày 16/11/1994 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, trước khi kết hôn vợ chồng được tự nguyện tìm hiểu nhau, sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng nhau và ở riêng, quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh không nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Kiều Đức T, sinh ngày 23/10/1995 đã trưởng và đã đi làm, còn cháu Kiều Đăng M, sinh ngày 14/11/2001 đang là sinh viên đại học. Nếu ly hôn đặt ra anh T đề nghị được chu cấp tiền học và nuôi cháu Hoàng.

- Về tài sản chung, tài sản riêng: Anh T xác nhận không có nên không đề nghị Toà án giải quyết

- Về nợ chung: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công sức: Anh T xác nhận không có nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Đại diện ViÖn kiÖm s,t nh©n d©n thñnh phè ViÖt Tr×, tỉnh Phú Thọ, tham gia phiªn toµ ph,t biÓu ý kiÖn:

- VÒ viÖc tu©n theo ph,p luËt tè tång trong qu, tr×nh gi¶i quyÕt vô ,n cña ThÈm ph,n, Húi Ôn xĐt xõ được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. ViÖc chÊp hñnh ph,p luËt cña nh÷ng người tham gia tè tång d©n sù kÓ tở khi thô lý vô ,n cho Ôn trước thêi iÖm Húi Ôn xĐt xõ nghÞ ,n: Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự là vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Xử: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Kiều Anh T.

Về con chung: Xác nhận chị T và anh T có 2 con chung là cháu Kiều Đức T, sinh ngày 23/10/1995 và cháu Kiều Đăng M, sinh ngày 14/11/2001. Hiện nay hai cháu đã thành niên nên không cần đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Không có nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Về công nợ: không đề nghị Toà án giải quyết.

Về công sức đóng góp: Không có.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Những nhận xét của tòa án

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị không T hành hoà giải, căn cứ khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự vụ án thuộc trường hợp những vụ án dân sự không T hành hoà giải được.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Kiều Anh T vắng mặt, mặc dù anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điều điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án vẫn T hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T và bị đơn là anh Kiều Anh T.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Kiều Anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký hôn nhân tại UBND xã H, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Như vậy là hôn nhân hợp pháp. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T, phía anh T không nhất trí ly hôn. Sau khi xem xét đơn ly hôn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ hội đồng xét xử nhận thấy: Cuộc sống chung của chị T và anh T có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, lối sống, anh T thường xuyên đánh chị T, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Đã 02 lần chị T làm đơn xin ly hôn anh T và đã rút đơn nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Qua xác M tại chính quyền địa phương cũng cho thấy vợ chồng chị T và anh T mâu thuẫn rất trầm trọng, hiện nay anh chị đã sống ly thân, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng làm ăn cho vay lãi, nợ nần nhiều nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, không còn quan tâm đến nhau. Điều đó đã chứng tỏ rằng cuộc hôn nhân của chị T và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Kiều Anh T là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- VÒ con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Kiều Đức T, sinh ngày 23/10/1995 và cháu Kiều Đăng M, sinh ngày 14/11/2001. Hiện nay hai cháu đã thành niên và có khả năng lao động được. Do vậy không cần đặt ra giải quyết trong vụ án này.

- Về tài sản chung, tài sản riêng: Chị T và anh T đều xác nhận không có nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

- Về công nợ: Chị T và anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công sức đóng góp: Không có.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

$V \times c, c \text{ lần } tr^n,$

quyết định:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 207, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xóa cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Kiều Anh T.

2. VÒ con chung: Xác nhận chị T và anh T có 02 con chung là cháu Kiều Đức T, sinh ngày 23/10/1995 và cháu Kiều Đăng M, sinh ngày 14/11/2001, hai cháu đã thành niên nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về công nợ: Chị T và anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

5. Về công sức đóng góp: Không có.

6. VÒ án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T nộp tiền tại biên lai thu tiền số AA/2019/0000960 ngày 17/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được niêm yết ở Phòng Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nội dung:

- VKSND T. Phú Thọ; Tp. Việt Trì;

T/M Hết đồng xét xử sơ thẩm

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Công chứng;
- UBND xã H, huyện Tam Nông
Tỉnh Phú Thọ;
- Lưu HS, VP.

Cao Thị Đào